

Điều 15. — Quỹ tín dụng cuối năm phải quyết toán lỗ lãi. Nếu có lãi thì 50% dùng để phụ cấp cho cán bộ thường trực, còn 50% bỏ vào vốn tích lũy nhằm tăng thêm vốn hoạt động của quỹ tín dụng. Nơi nào quần chúng yêu cầu thì có thể trích từ 10% đến 30% tổng số lãi chia cho các cổ phần tử viên (trường hợp này phải bớt phần lãi bỏ vào tích lũy). Nếu bị lỗ thì mỗi tử viên phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản lỗ của quỹ tín dụng trong phạm vi cổ phần của mình. Nếu là tham ô, mất cắp thì người có khuyết điểm phải bồi thường.

Dự án chia lãi do Ban quản trị dự thảo, nhân viên kiểm soát xét lại và được đại hội toàn thể tử viên hay đại hội đại biểu tử viên thông qua mới được thi hành.

CHƯƠNG IV

THÀNH LẬP HAY GIẢI TÁN QUỸ TÍN DỤNG

Điều 16. — Quỹ tín dụng được chính thức thành lập sau khi đã có chương trình điều lệ được đại hội tử viên thông qua và được Ủy ban Hành chính huyện cho phép. Nếu vì lý do nào đó mà quỹ tín dụng phải ngừng hoạt động hay giải tán thì phải do Đại hội toàn thể tử viên quyết định và Ủy ban Hành chính huyện thông qua. Trước khi giải tán, đại hội toàn thể tử viên phải cử đại biểu cùng với cán bộ Ngân hàng tử chức Ban Thanh toán để kiểm kê và thanh toán các khoản tiền nợ và tiền quỹ. Ban thanh toán làm việc xong phải báo cáo kết quả cho đại hội tử viên.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN PHỤ

Điều 17. — Mỗi quỹ tín dụng tử chức ở miền núi sẽ căn cứ vào bản Quy tắc này mà định ra điều lệ của mình cho thích hợp.

Điều 18. — Cục Tín dụng nông thôn Ngân hàng trung ương chịu trách nhiệm giải thích bản Quy tắc này.

Ban hành theo nghị định số 181-VP-Ngđ
ngày 5-12-1959

của Ngân hàng Quốc gia Việt nam

Tổng Giám đốc

Ngân hàng Quốc gia Việt nam

LÊ VIỆT LƯỢNG

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 47-TC/ST ngày 5-12-1959 quy định một số điểm cụ thể về việc thu thuế lợi tức doanh nghiệp và thuế doanh nghiệp đối với các tử chức hợp tác thủ công nghiệp và tiểu thương.

Căn cứ nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ và nghị định số 425 ngày 1-12-1959 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính quy định dưới đây một số điểm cụ thể về việc thu thuế lợi tức doanh nghiệp và thuế doanh nghiệp đối với các tử chức hợp tác thủ công nghiệp và tiểu thương.

1. Về tỷ lệ huy động cố định (nói trong điều kiện quy định tạm thời biện pháp thu thuế đối với Hợp tác xã thủ công).

— Nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật, tỷ lệ huy động này được cố định trong thời gian từ đầu 1959 cho đến khi có chính sách thuế lợi tức mới đối với Hợp tác xã.

— Tỷ lệ huy động cố định tính riêng cho từng tử chức hợp tác theo phương pháp sau:

— Căn cứ tình hình kinh doanh 6 tháng kể từ khi tử chức hợp tác bắt đầu sản xuất kinh doanh tìm ra thực lãi chịu thuế bình quân một xã viên (có trừ phí tồn sinh hoạt theo thể lệ hiện hành) (Riêng đối với các tử chức hợp tác hoạt động trước năm 1959 thì thời gian 6 tháng tính từ tháng 1-1959).

— Đối chiếu thực lãi bình quân nói trên (sau khi quy ra cả năm theo thể lệ hiện hành) với biểu thuế lợi tức công nghiệp tìm ra số thuế một xã viên phải đóng.

— Chia số thuế 1 xã viên phải đóng cho số thực lãi bình quân 1 xã viên thành tỷ lệ huy động cố định cho tử chức hợp tác.

Trong trường hợp nhiều tử chức hợp tác sát nhập thành một tử chức mới thì tỷ lệ huy động sẽ được tính lại căn cứ vào những số thực lãi đã dùng làm cơ sở để tìm tỷ lệ huy động của những tử chức hợp tác cũ.

2. Về thời hạn thu thuế:

Để thuận tiện cho việc đóng góp của tử chức hợp tác, nay quy định:

— Đối với tử chức hợp tác thủ công, thuế lợi tức tạm thu hàng tháng hay 3 tháng một lần, do chính quyền địa phương quyết định, việc thanh toán thuế sẽ tiến hành vào mỗi kỳ quyết toán lỗ lãi (3 tháng hoặc 6 tháng hoặc một năm) tùy theo nội quy của tử chức hợp tác.

— Đối với các tổ chức hợp tác tiểu thương, thuế lợi tức nộp dứt khoát hàng tháng, cuối năm không phải kê khai tính lại thuế nữa.

3. Về việc miễn giảm thuế:

Thi hành điều 5 quy định nguyên tắc miễn giảm thuế cho những xã viên đời sống khó khăn, nay qui định cụ thể: Trong các tổ chức hợp tác, có những xã viên thu nhập bình quân nhân khẩu thấp, nằm trong diện miễn giảm thuế lợi tức và thuế doanh nghiệp theo tiêu chuẩn chung áp dụng cho hộ cá thể ở địa phương, thì xã viên đó cũng được miễn giảm về thuế lợi tức và thuế doanh nghiệp. Về thuế lợi tức sẽ miễn giảm cho xã viên đó trong phạm vi số thuế tính trên thu nhập của người ấy. Về thuế doanh nghiệp sẽ miễn giảm cho xã viên đó trong phạm vi số thuế doanh nghiệp tính trên doanh thu bình quân đầu người của tổ chức hợp tác. Sau khi tính toàn bộ số thuế của tổ chức hợp tác, sẽ tính trừ ra phần được miễn giảm để lại cho cá nhân xã viên được chiếu cố.

Về thuế doanh nghiệp đối với tổ chức hợp tác, căn cứ tính thần những qui định hiện hành, chính quyền địa phương cần xét miễn trong các trường hợp sau:

— Đối với các tổ chức hợp tác, tập hợp những thành phần nghèo, khi cá thể không đóng thuế, hiện nay qui mô kinh doanh nhỏ và thu nhập thấp, thì nay tổ chức hợp tác đó vẫn tiếp tục được miễn thuế doanh nghiệp.

— Đối với những người thợ không có vốn, không có công cụ sản xuất, hoạt động có tính chất làm công cho Mậu dịch khi cá thể được miễn thuế doanh nghiệp, nay được tổ chức lại thì tổ chức hợp tác cũng tiếp tục được miễn thuế doanh nghiệp.

4. Về phạm vi áp dụng các biện pháp tính thuế mới:

Căn cứ tính thần điều 8 của biện pháp thuế đối với hợp tác thủ công, để khuyến khích các ngành sản xuất, Bộ qui định đối với các tổ chức hợp tác các ngành kiến trúc, vận tải, chăn nuôi và một số nghề phục vụ dùng sức lao động là chủ yếu (như cắt tóc, chữa xe đạp, khắc dấu...) và khi tổ chức thì theo hình thức và qui tắc tổ chức hợp tác tiểu thủ công, cũng được áp dụng biện pháp tính thuế như đối với hợp tác thủ công. (Đối với các nghề phục vụ này, thuế lợi tức đối với hộ cá thể vẫn thu theo biểu thuế thương nghiệp, còn thuế doanh nghiệp đối với tổ chức hợp tác cũng như đối với hộ cá thể vẫn thu theo thuế suất hiện hành).

Trong trường hợp tổ chức hợp tác tiểu thương chuyển hướng sang các nghề chăn nuôi, vận tải, kiến trúc hay số nghề phục vụ nói trên đây, thì bộ phận chăn nuôi, vận tải, kiến trúc... đó cũng được hưởng sự ưu đãi (miễn thuế lợi tức trong 6 tháng đầu) như đối với trường hợp tổ chức hợp tác tiểu thương chuyển hướng sang sản xuất thủ công nghiệp.

Trường hợp tổ chức hợp tác tập hợp những người thợ thủ công và tiểu thương vào một hợp tác xã hoạt động cả tiểu thủ công và thương mại thì thuế lợi tức tính riêng vào bộ phận tiểu thủ công theo chế độ thuế đối với tổ chức hợp tác tiểu thủ công và vào bộ phận thương mại theo chế độ thuế đối với tổ chức hợp tác tiểu thương.

Đối với hoạt động sản xuất thủ công trong hợp tác xã nông nghiệp, trong khi chờ nghiên cứu một chính sách lâu dài, để khuyến khích hợp tác xã kinh doanh nhiều mặt, nhưng không vì đó mà ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và các nghề thủ công chuyên nghiệp, đồng thời cũng để việc thu thuế của Nhà nước không bị gián đoạn, thì hướng giải quyết tạm thời như sau:

— Trường hợp trước đã làm nghề tiểu thủ công và đã đóng thuế công thương nghiệp, nay vào hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục sản xuất tiểu thủ công cho hợp tác xã nông nghiệp thì hợp tác xã phải đóng thuế lợi tức và thuế doanh nghiệp về phần sản xuất thủ công và được chiếu cố như đối với các tổ chức hợp tác thủ công khác.

— Trường hợp phần kinh doanh thủ công của Hợp tác xã nông nghiệp trước là nghề phụ của nông dân cá thể không phải đóng thuế doanh nghiệp thì nay cũng tiếp tục được miễn thuế doanh nghiệp.

— Trường hợp hợp tác xã nông nghiệp tổ chức những cơ sở thủ công tương đối lớn, có bán ra thị trường một phần sản phẩm thủ công thì phải chịu thuế doanh nghiệp về phần bán ra còn thuế lợi tức thì chưa thu.

Việc nghiên cứu chính sách thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải nắm vững tình hình và đi sâu về nhiều mặt cho nên chưa thể có ngay những biện pháp đối với từng trường hợp cụ thể của từng địa phương. Trên đây chỉ là một số hướng giải quyết tạm thời, các Ủy ban cần chú ý nghiên cứu tình hình phát triển của Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh nhiều mặt phản ảnh lên Bộ kèm theo những ý kiến đề nghị xây dựng về chính sách.

• Chi tiết thi hành nghị định số 425 ngày 1-12-1959 và thông tư này sẽ có hướng dẫn riêng (xem thông tư số 48 ngày 5-12-1959 của Bộ).

Hà nội, ngày 5 tháng 12 năm 1959

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

BỘ THỦY LỢI

NGHỊ ĐỊNH số 656-NĐ/TL ngày 14-12-1959 thành lập tại Khu Tự trị Việt bắc, trường Trung cấp kỹ thuật thủy lợi miền núi.

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY LỢI

Theo đề nghị của Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt bắc và xét nhu cầu về cán bộ kỹ thuật thủy lợi của các địa phương miền núi;

Được Thủ tướng Chính phủ chuẩn y, Ủy ban kiện toàn tổ chức trung ương và Bộ Giáo dục thỏa thuận;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập tại Khu Tự trị Việt bắc, trường Trung cấp kỹ thuật thủy lợi miền núi, đặt dưới quyền lãnh đạo của Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt bắc.

Nhiệm vụ của Trường là đào tạo cán bộ trung cấp kỹ thuật thủy lợi cho các địa phương miền núi trên toàn miền Bắc, đồng thời đào tạo các loại cán bộ sơ cấp kỹ thuật thủy lợi, trong khi các địa phương nói trên chưa đảm nhận được.

Điều 2. — Các khoản kinh phí xây dựng và sự nghiệp hàng năm của Trường do ngân sách của Khu Tự trị Việt bắc đài thọ.

Điều 3. — Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt bắc sẽ quyết định kế hoạch xây dựng và trang bị trường, quy định nhiệm vụ cụ thể, tổ chức biên chế, và các chế độ học tập, nội dung giảng dạy của trường theo quy chế chung về các Trường chuyên nghiệp trung cấp của Bộ Giáo dục, và về trường Kỹ thuật trung cấp của Bộ Thủy lợi.

Học viện Thủy lợi có trách nhiệm giúp Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt bắc về kế hoạch, kinh nghiệm thực hiện các nhiệm vụ nói trên, và cung cấp tài liệu giảng dạy cho nhà trường.

Điều 4. — Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt bắc, các ông Giám đốc học viện thủy lợi, vụ tổ chức cán bộ và ông Chánh văn phòng Bộ Thủy lợi chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 14 tháng 12 năm 1959

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi

TRẦN ĐĂNG KHOA